

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK MIL
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 22/2025/HNGĐ-ST

Ngày 25-4-2025.

Về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK MIL**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thanh và ông Nguyễn Tiến
Tĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân Anh – Thư ký Tòa án nhân
dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông
tham gia phiên tòa:** Bà Võ Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil,
tỉnh Đắk Nông xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số:
281/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024 về việc “ Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
11/2025/QĐXX-ST ngày 19 tháng 3 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa
số: 10/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 08 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lý Thị H, sinh năm 1988 – Có mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đắk N, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

- Bị đơn: Ông Nông Văn B, sinh năm 1984 – Vắng mặt lần 2 không có
lý do.

Địa chỉ: Thôn T, xã Đắk N, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**- Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2024(nộp trực tiếp tại Tòa án
ngày 22/11/2024) quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bà Lý Thị H
trình bày:** Bà H và ông Nông Văn B đăng ký kết hôn với nhau tại UBND
xã Đắk N’Drót, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông vào ngày 07/5/2007. Hôn
nhân trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Trong thời kỳ hôn nhân
Bà H và ông B có 03 con chung Nông Thị Quỳnh Nh, sinh ngày
18/11/2007, con Nông Thái Đ, sinh ngày 04/6/2015, con Nông Thị Thanh
Trà, sinh ngày 31/12/2018. Bà H và ông Nông Văn B chung sống hạnh
phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông Nông
Văn B là một người chồng không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình,
vô tâm đối với vợ, trong cuộc sống của Bà H có chồng nhưng Bà H không

được chồng thương yêu, quan tâm, đã vậy cuộc sống làm ăn kinh tế ông B cũng không đưa tiền cho Bà H để chi tiêu cuộc sống, gần như Bà H phải tự mình gồng gánh và nuôi con. Hiện nay Bà H và ông B vẫn ở chung một nhà tuy nhiên không ai quan tâm đến cuộc sống của ai cả. Bà H không còn tình cảm với ông B nên vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông B.

Về yêu cầu nuôi con chung và cấp dưỡng: Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/11/2024 Bà H xin được nuôi hai con Nông Thái Đ, sinh ngày 04/9/2015 và Nông Thị Thanh Trà, sinh ngày 31/12/2018 đến tuổi trưởng thành và yêu cầu ông Nông Văn B phải cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/1 tháng cho hai cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Cháu Nông Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/11/2007 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên tại phiên tòa, bà xin thay đổi về yêu cầu nuôi con cụ thể: Bà xin nuôi ba con Nông Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/11/2007, con Nông Thái Đ, sinh ngày 04/9/2015 và con Nông Thị Thanh Trà, sinh ngày 31/12/2018 đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi và không yêu cầu ông Nông Văn B cấp dưỡng tiền nuôi 03 con chung.

Về yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nông Văn B: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án đối với bị đơn. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành lấy lời khai được của bị đơn, không tiến hành hòa giải được giữa các đương sự với nhau nên quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung. Tại phiên tòa ngày 08/4/2025 được mở để xét xử ông B vắng mặt, Tòa án phải hoãn phiên tòa lần thứ nhất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil tham gia phiên tòa xác định việc tuân thủ theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm đều tuân thủ trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX):

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà Lý Thị H, bà Lý Thị H được ly hôn với ông Nông Văn B.

- Về con chung: Giao 03 con chung Nông Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/11/2007, con Nông Thái Đ, sinh ngày 04/9/2015 và con Nông Thị Thanh Trà, sinh ngày 31/12/2018 cho bà Lý Thị H được quyền trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Đề nghị yêu cầu đình chỉ giải quyết về yêu cầu cấp dưỡng của bà Lý Thị H.

- Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu, nên không đặt ra để giải quyết.

- Về án phí: Bà Lý Thị H phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về pháp luật tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Bà Lý Thị H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, yêu cầu về nuôi con chung nên quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nông Văn B có nơi cư trú tại thôn 8, xã Đắk N'Drót, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đắk Mil theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.3] Về chấp hành pháp luật của đương sự: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ đúng theo quy định tại Điều 173 Bộ luật tố tụng Dân sự để thông báo thụ lý vụ án, triệu tập đương sự và các văn bản tố tụng khác cho đương sự. Nguyên đơn chấp hành tốt. Bị đơn không chấp hành mặc dù có mặt tại địa phương nơi cư trú, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và phiên tòa lần thứ nhất, tại phiên tòa được mở ngày 08/4/2025 ông B vắng mặt không có lý do, Tòa án đã tiến hành hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có lý do. Như vậy, ông B đã từ bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, đó là quyền được pháp luật bảo vệ, điều đó cũng thể hiện bị đơn đã không tôn trọng pháp luật quy định tại Điều 6, Điều 72 của BLTTDS. Tại phiên tòa hôm nay bị đơn đã vắng mặt lần thứ hai không có lý do nên HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

2. Về pháp luật nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị H và ông Nông Văn B có đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã Đắk N'Drót, huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông vào ngày 07/5/2007. Hôn nhân trên tình tự nguyện, không bị ai ép buộc. Đây là hôn nhân hợp pháp, kết hôn đúng theo quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình quy định về tình nghĩa vợ chồng:

“1. Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

2. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Tòa án không tiến hành lấy được lời khai của ông B, tại biên bản xác minh ngày 26/02/2025 tại Thôn T, xã Đắc N, huyện Đắc Mil, tỉnh Đắc Nông địa phương thì mâu thuẫn giữa Bà H, ông B khi sống tại địa phương không báo với ban tự quản thôn, do đó địa phương không nắm được mâu thuẫn giữa Bà H và ông B. Nhưng trên cơ sở lời khai của Bà H. Bà H cho rằng bà và ông B chung sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân ông Nông Văn B là một người chồng không có trách nhiệm với cuộc sống gia đình, vô tâm đối với vợ, trong cuộc sống của Bà H có chồng nhưng Bà H không được chồng thương yêu, quan tâm, đã vậy cuộc sống làm ăn kinh tế ông B cũng không đưa tiền cho Bà H để chi tiêu cuộc sống, gần như Bà H phải tự mình gồng gánh và nuôi con. Hiện nay Bà H và ông B vẫn ở chung một nhà tuy nhiên không ai quan tâm đến cuộc sống của ai cả. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng ông B vắng mặt, không có sự trình bày hay đưa ra văn bản nào thể hiện ý chí còn mong muốn duy trì cuộc hôn nhân này; Như vậy, hôn nhân của Bà H, ông B đã vi phạm Điều 19, Điều 21 Luật hôn nhân và Gia đình. Do đó, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu của bà Lý Thị H về việc ly hôn với ông Nông Văn B.

[3.2] Về yêu cầu nuôi con chung:

Hội đồng xét xử xét thấy Bà H và ông B không thỏa thuận với nhau về yêu cầu nuôi con chung. Quá trình giải quyết và tại phiên tòa Bà H có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung Nông Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/11/2007, con Nông Thái Đ, sinh ngày 04/9/2015 và con Nông Thị Thanh Trà, sinh ngày 31/12/2018 cho đến khi các con chung trưởng thành đủ 18 tuổi vì hiện nay các con đang sống cùng với bà và được bà chăm sóc.

Khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định:

“1. Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình theo quy định của Luật này, Bộ luật dân sự và các luật khác có liên quan.

2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.”

Hội đồng xét xử xét thấy hiện con chung Nông Thị Thanh Trà, sinh ngày 31/12/2018 hiện đang còn nhỏ và sinh sống cùng Bà H.

Đối với con chung từ đủ 07 tuổi trở lên thì theo quy định của pháp luật cần lấy lời khai xem xét nguyện vọng của con chung khi bố, mẹ ly hôn và tại biên bản ghi nhận ý kiến của con chưa thành niên ngày 24/12/2024, con chung Nông Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/11/2007, con chung Nông Thái Đ, sinh ngày 04/9/2015 có nguyện vọng được ở cùng với Bà H. Do đó Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung Nông Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/11/2007, con Nông Thái Đ, sinh ngày 04/9/2015 và con Nông Thị Thanh Trà, sinh ngày 31/12/2018 cho bà Lý Thị H chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tại biên bản lấy lời khai và tại phiên toà Bà H đã rút yêu cầu giải quyết về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung. Việc rút về yêu cầu cấp dưỡng là tự nguyện, không trái đạo đức, pháp luật nên HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 217, khoản 1 Điều 218, khoản 2 Điều 244 của BLTTDS chấp nhận và đình chỉ giải quyết yêu cầu này của Bà H.

Bà H có quyền khởi kiện vụ án khác về phần cấp dưỡng nuôi con chung nếu có yêu cầu.

Sau khi ly hôn bà Lý Thị H và ông Nông Văn B có các quyền, nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại các Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Bà H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[6] Xét quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; Điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 6; Điều 70; Điều 72; khoản 1, Điều 144; Khoản 4 Điều 147;

điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 235; khoản 2 Điều 244; Điều 266; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng Điều 8; Điều 9; Điều 19; Điều 21; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Khoản 1 Điều 56; khoản 1 Điều 57; Điều 58; Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lý Thị H đối với ông Nông Văn B.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị H được ly hôn với ông Nông Văn B.

2. Về yêu cầu nuôi con chung: Giao con chung Nông Thị Quỳnh Nh, sinh ngày 18/11/2007, con Nông Thái Đ, sinh ngày 04/9/2015 và con Nông Thị Thanh Trà, sinh ngày 31/12/2018 cho bà Lý Thị H trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành đủ 18 tuổi.

3. Về cấp dưỡng: Đình chỉ đối với yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng đối với con chung của bà Lý Thị H.

Bà H có quyền khởi kiện vụ án khác về phần cấp dưỡng nuôi con chung nếu có yêu cầu.

Sau khi ly hôn bà Lý Thị H và ông Nông Văn B có các quyền, nghĩa vụ sau:

- Quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con chưa thành niên theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật hôn nhân gia đình.

- Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 83 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

- Quyền yêu cầu mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình.

4. Về yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Lý Thị H phải chịu số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí mà bà Lý Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đắk Mil, tỉnh Đắk Nông theo biên lai số 006174, ngày 09/12/2024.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án; Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

7. Về hướng dẫn Thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk Mil (02 bản);
- Chi cục THADS H. Đắk Mil;
- UBND xã Đắk N'Drót;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Vp.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Huệ